

Số: /BC-UBND

Trà Bông, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2024 huyện Trà Bông

I. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

1.1. Điều kiện tự nhiên

Trà Bông là một huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, nằm cách thành phố Quảng Ngãi khoảng 50 km về phía Tây Bắc. Diện tích tự nhiên của huyện là: 76.040,71 ha (theo kết quả thống kê đất đai 2022, đến 31/12/2022), chiếm 14,30% diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

Vị trí địa lý giới hạn từ: 15° 06' 10" đến 15° 21' 00" vĩ độ Bắc.

108° 21' 30" đến 108° 38' 50" kinh độ Đông.

Vị trí tiếp giáp của huyện với các đơn vị hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp: Huyện Bắc Trà My và huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
- Phía Nam giáp: Huyện Sơn Hà và huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Đông giáp: Huyện Bình Sơn và huyện Sơn Tịnh;
- Phía Tây giáp: huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

Huyện Trà Bông có 16 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn bao gồm: Thị trấn Trà Xuân và 15 xã gồm: Trà Bình, Trà Bùi, Trà Giang, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Phú, Trà Sơn, Trà Tân, Trà Thủy, Hương Trà, Trà Tây, Sơn Trà, Trà Xinh, Trà Phong và Trà Thanh. Dân số toàn huyện có 59.895 người, mật độ dân số trung bình 78 người/km².

Là huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, nằm ở sườn núi phía Đông của dãy Trường Sơn nên địa hình của huyện thuộc vùng núi cao, có độ dốc rất lớn. Độ cao trung bình so với mặt nước biển 800 đến 1.000 m, có nhiều đỉnh cao trên 1000m như núi Tà Cút (1442m), núi Cà Đam - xã Trà Tây (1415m), núi Răng Cưa (1.100m), núi Chóp Vung (905m), núi Hòn Giót (865m). Địa hình của huyện thấp dần từ Tây sang Đông, độ dốc bình quân 150 - 200. Mặt khác, sông suối tạo thành có lòng hẹp nên mùa mưa lũ thường xảy ra lũ quét, gây thiệt hại

lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Các núi cao trên địa bàn huyện như núi Cà Tút (1.442 m), núi Cà Đam (1.415m),

* Địa hình Trà Bồng có thể chia ra làm 03 vùng chính:

- Vùng thứ nhất: Vùng trung tâm gồm thị trấn Trà Xuân và 02 xã Trà Bình, Trà Phú, có địa hình tương đối bằng phẳng với độ dốc bình quân từ 0 - 80. Độ cao trung bình so với mặt biển khoảng 40 - 100 m. Tập trung nguồn lực để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề phục vụ cho phát triển nông nghiệp; phát triển thương mại - dịch vụ; cây công nghiệp nguyên liệu chế biến; chăn nuôi gia cầm tập trung, chất lượng cao, an toàn; thu hút, kêu gọi nhà đầu tư để phát triển du lịch tại xã Trà Bình, thị trấn Trà Xuân.

- Vùng thứ hai: Vùng thấp gồm 06 xã Trà Sơn, Trà Hiệp, Trà Thủy, Trà Giang, Trà Tân và Trà Bùi, có địa hình tương đối cao với độ dốc bình quân từ 7 - 150. Độ cao trung bình so với mặt biển khoảng 400 m - 600 m. Vùng này thuận lợi phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng trên 1 đơn vị diện tích; phát triển diện tích cây quế; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước cho các lưu vực sinh thủy của công trình thủy lợi; kêu gọi thu hút đầu tư nhà máy chế biến nông sản và đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng sinh thái Cà Đam, du lịch Trà Bói, Cà Đú, Xen Bay,... 800 đến 1.000 m

- Vùng thứ 3: Vùng cao gồm 07 xã Trà Lâm, Hương Trà, Sơn Trà, Trà Tây, Trà Phong, Trà Xinh và Trà Thanh, có địa hình cao với độ dốc bình quân từ 15 - 200. Độ cao trung bình so với mặt biển khoảng 700 m - 1000 m. Vùng này thuận lợi để mở rộng diện tích trồng quế; phát triển các loại cây trồng, con vật nuôi đặc trưng của địa phương như: cây Hường, Chè, Gừng gió, Heo bản địa; xác lập vùng trồng cây gỗ lớn trong quy hoạch trồng rừng sản xuất và rừng phòng hộ để kết hợp trồng cây dược liệu có thể mạnh, phù hợp với điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước cho các lưu vực sinh thủy của công trình thủy lợi; bảo vệ môi trường cảnh quan thu hút đầu tư du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Nước Trong.

1.2. Kinh tế - xã hội:

Tổng giá trị sản xuất các ngành ước thực hiện năm 2024 (theo giá so sánh 2010) đạt 2.686.814,6 triệu đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2023 và bằng 101,4% so với kế hoạch năm; trong đó: (1) ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản ước đạt 651.263,4 triệu đồng, tăng 19,5% so với năm 2023 và bằng 106,4% so với kế hoạch năm; (2) ngành công nghiệp, xây dựng ước đạt 1.360.606 triệu đồng, tăng 3,4% so với năm 2023 và bằng 97,2% so với kế hoạch năm; (3) ngành thương mại, dịch vụ ước đạt 674.945,2 triệu đồng, tăng 16,4% so với năm 2023 và bằng 105,8% so với kế hoạch năm.

Cơ cấu kinh tế năm 2024: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 24,24%; công nghiệp, xây dựng chiếm 50,64% và dịch vụ chiếm 25,12%.

Về trồng trọt: Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 11.413 tấn (thóc 9.544 tấn, ngô 1.869 tấn) đạt 114,8% so với kế hoạch năm, tăng 15,3% so với năm 2023.

Cây lúa: Diện tích thực hiện 1.753,66 ha đạt 100,2% so với kế hoạch năm, giảm 0,2% so với năm 2023, năng suất ước đạt bình quân 47,13 tạ/ha, đạt 102,5% kế hoạch năm, tăng 2,5% so với năm 2023. Sản lượng ước đạt 8.265 tấn, đạt 102,7% so với kế hoạch năm, tăng 2,3% so với năm 2023. Lúa rẫy: Diện tích thực hiện 836 ha, năng suất ước đạt 15,3 tạ/ha, sản lượng 1.279 tấn.

Cây ngô: Diện tích trồng khoảng 619,5 ha, đạt 103,3% so với kế hoạch huyện năm; năng suất bình quân ước đạt 30,2 tạ/ha, đạt 95,9% so với kế hoạch năm, tăng 0,8% so với năm 2023; sản lượng ước đạt 1.869 tấn, đạt 98,9% so với kế hoạch năm, tăng 2,8% so với năm 2023.

Các loại cây trồng khác: Cây đậu phụng diện tích trồng 137 ha, đạt 100% so với kế hoạch năm; năng suất ước đạt 16,5 tạ/ha, đạt 97,1% so với kế hoạch năm; sản lượng 226,1 tấn, đạt 97,1% so với kế hoạch năm, tăng 6,8% so với năm 2023; Cây rau, quả các loại diện tích khoảng 391,4 ha, đạt 100,4% so với kế hoạch năm; năng suất ước đạt 115,9 tạ/ha, đạt 99,5% so với kế hoạch năm; sản lượng 4.536,3 tấn, đạt 99,8% so với kế hoạch năm, tăng 2,4% so với năm 2023; Cây đậu các loại diện tích trồng khoảng 233 ha, đạt 100% so với kế hoạch năm; năng suất ước đạt 12 tạ/ha, đạt 102,6% so với kế hoạch năm; sản lượng 279,6 tấn, đạt 102,6% so với kế hoạch năm, tăng 4,9% so với năm 2023; Cây Mỳ diện tích trồng 780 ha, đạt 222,9% so với kế hoạch năm; năng suất bình quân 136,6 tạ/ha, sản lượng 10.655 tấn, tăng 143,3% so với cùng kỳ.

Chăn nuôi

Tổng đàn gia súc ước thực hiện cả năm đạt 37.897 con, trong đó: Đàn trâu 735 con, đạt 100% so với kế hoạch năm, tăng 0,7% so với năm 2023; đàn bò 16.400 con, đạt 100,1% so với kế hoạch năm, tăng 0,6% so với năm 2023; đàn lợn 19.780 con, đạt 100,4 % so với kế hoạch năm, tăng 1,2% so với năm 2023; đàn dê 982 con, đạt 134,5% so với kế hoạch năm, tăng 38,3% so với năm 2023. Tổng đàn gia cầm 121.400 con, đạt 103,3 % so với kế hoạch năm, tăng 3,6% so với năm 2023. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 2.119,8 tấn, đạt 101% kế hoạch năm, tăng 7,2% so với năm 2023.

Phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại, kinh tế tập thể

Toàn huyện có 01 trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn (Công ty TNHH Nông nghiệp sạch Hải Hà); có 05 trang trại có quy mô vừa, quy mô nhỏ gồm chăn nuôi lợn, gia cầm và thủy sản. Ngoài ra, có khoảng 50 hộ gia đình chăn

nuôi lợn có quy mô từ 20 con/lúa trở lên. Có 01 cơ sở thu mua, chế biến nông sản (cây mỳ) tại xã Trà Tân, đã góp phần đáng kể trong việc tăng giá trị kinh tế và sản lượng thịt hơi xuất chuồng trên địa bàn huyện. Kinh tế tập thể (Hợp tác xã): Hiện có 21 HTX với tổng số thành viên là 352 người; một số hợp tác xã đã triển khai thực hiện trồng trọt và chăn nuôi như: HTX nông dược Trà Thủy; HTX Chăn nuôi và sản xuất Nông, lâm nghiệp xã Trà Bùi; HTX dịch vụ Nông nghiệp Trà Bùi; HTX Nông nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Trà Bình có phương án hoạt động hiệu quả, tham gia liên kết theo chuỗi giá trị từ các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Về lâm nghiệp: Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ rừng; tuyên truyền, tập huấn bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng được các ngành và địa phương quan tâm thực hiện; tổ chức tổng kết công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024; công tác quản lý bảo vệ rừng được thực hiện thường xuyên nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng khai thác gỗ trái phép; chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững xã và kiện toàn Tổ, đội bảo vệ rừng ở các thôn. Công tác tuần tra, truy quét, quản lý bảo vệ rừng, tuần tra truy quét được thực hiện thường xuyên.

Tổng diện tích (gồm diện tích có rừng và diện rừng trồng chưa thành rừng) 56.816,51 ha. Diện tích trồng rừng sản xuất và cây trồng phân tán 230 ha. Tỷ lệ che phủ rừng 61%. Sản lượng khai thác gỗ tròn khoảng 478.110 m³. Trồng rừng sản xuất ước thực hiện đến cuối năm 2024 khoảng 8.000 ha, đạt 127,7% so với kế hoạch năm, bao gồm diện tích keo trồng lại sau khai thác và trồng quế, trong đó diện tích trồng quế ước khoảng 420 ha. Thực hiện dự án Quản lý bảo vệ rừng và cấp chứng chỉ rừng: Toàn huyện đã thực hiện cấp chứng chỉ với diện tích là 9.291,99 ha/1.853 hộ trên địa bàn 08 xã; Kế hoạch đến cuối năm 2024 thực hiện cấp chứng chỉ với diện tích khoản là 9.023 ha/3.069 hộ/10 xã.

Việc thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới: Chỉ đạo các địa phương huy động mọi nguồn lực, lồng ghép các nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia để tập trung triển khai thực hiện; đầu tư theo quy hoạch, không dàn trải, tập trung nguồn vốn theo từng tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hoặc thôn nông thôn mới. Chỉ đạo theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện, tập trung chỉ đạo, triển khai những giải pháp tối ưu đối với 03 xã trong kế hoạch về đích nông thôn mới, giai đoạn 2024-2025, thực hiện chỉ tiêu năm 2024 có 02 xã về đích nông thôn mới (xã Trà Tân, xã Trà Giang), nâng tổng số xã nông thôn mới trên địa bàn huyện lên 04 xã; lũy kế đến cuối năm 2024, số tiêu chí bình quân/xã đạt ước đạt là 14,6 tiêu chí, tăng bình quân 02 tiêu chí/xã. Số thôn đạt Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới: có 02 thôn đạt 7 tiêu chí, 01 thôn đạt 8 tiêu chí, 01 thôn đạt 6 tiêu chí.

Về công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2024 (*theo giá so sánh 2010*) ước đạt 738.004,5 triệu đồng, đạt 98,5% so với kế hoạch năm, tăng 4,7% so với năm 2023. Cụm công nghiệp, các cơ sở hoạt động sản xuất công nghiệp duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Sản phẩm khai khoáng tăng như cát, sạn, đá xây dựng phục vụ chủ yếu các công trình xây dựng trên địa bàn huyện, các chương trình, dự án đầu tư công và đầu tư doanh nghiệp đều tăng. Chế biến gỗ dăm vẫn còn duy trì sản xuất; sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng cao; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn như sắt ống, tôn các loại nhất là người dân xây dựng dân dụng, quảng cáo, pano, vật liệu thay thế gỗ trước đây đều tăng; sản phẩm mộc tiêu dùng tăng và xây dựng tăng; lâm sản trừ gỗ tăng. Sản xuất điện, phân phối điện tăng, trong đó bao gồm điện sản xuất và điện thương phẩm tăng. Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia trên địa bàn huyện đạt 99,9%.

Về thương mại, dịch vụ: Giá trị sản xuất ngành Dịch vụ (*theo giá so sánh 2010*) ước đạt 674.945,2 triệu đồng, đạt 105,8% so với kế hoạch năm, tăng 16,4% so với năm 2023. Doanh thu dịch vụ, lĩnh vực bán lẻ, dịch vụ hộ cá thể, dịch vụ doanh nghiệp, doanh thu vận tải, vận tải hành khách, vận tải hàng hoá đều tăng. Hàng hóa lưu thông tương đối ổn định, cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng; hoạt động giao thương sôi động, trật tự, đáp ứng nhu cầu dân sinh về giao lưu, trao đổi hàng hóa, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, đầu cơ, tích trữ, gây rối thị trường, hàng giả kém chất lượng, tăng giá đột biến.

Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường: Hoàn thành công tác thống kê đất đai huyện Trà Bồng năm 2023; trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh danh mục công trình, dự án vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trà Bồng. Công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất, cho thuê đất các công trình, dự án đối với tổ chức, đề nghị chuyển mục đích, giao đất các dự án triển khai thực hiện trên địa bàn huyện, thu hồi đất 01 công trình; giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân được thực hiện theo đúng quy định. Chỉ đạo tổ chức rà soát các vụ việc tranh chấp liên quan lĩnh vực đất đai để giải quyết theo đúng thẩm quyền.

Công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn huyện tiếp tục chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; đề xuất cấp có thẩm quyền đưa vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2024 đối với 04 mỏ cát, 04 mỏ đất trong quy hoạch. Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2024, Ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Ngày Môi trường thế giới trên địa bàn huyện. Công tác thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện tiếp tục thực hiện tốt.

(Nguồn: Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển

*kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh huyện Trà Bồng năm 2024;
nhiệm vụ và giải pháp năm 2025)*

2. Các tác động chính đến môi trường.

a) Tác động từ các hoạt động đầu tư phát triển

- Trên địa bàn huyện hiện có 04 dự án thủy điện đang hoạt động và 01 dự án thủy điện đang đầu tư xây dựng, trong quá trình thực hiện đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, mặt nước làm nơi cư trú của một số loài động vật và các loài thủy sinh sống dưới nước bị thu hẹp hoặc mất đi, nhất là đối với các loài có kích thước lớn như hổ, nai, mang, heo rừng... hoặc loài di chuyển nhiều như chim, các loài cá...

- Hiện nay các dự án đang hoạt động như: Các dự án thủy điện, Trang trại chăn nuôi heo Hải Hà, các cơ sở chăn nuôi theo quy mô nông hộ, các cơ sở sản xuất nhang, quế, các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, nhà máy sản xuất gạch không nung của Công ty Cổ phần Đại Triệu Phát và các dự án đang triển khai xây dựng trên địa bàn huyện như nhà máy sản xuất, chế biến gỗ của Công ty Cổ phần SXĐT&PT Nông lâm nghiệp Quảng Ngãi (*nằm trong Cụm công nghiệp Trà Xuân*), các công trình giao thông, trường học, nhà ở... có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Đây là vấn đề cần quan tâm đối với công tác kiểm soát nguồn thải gây ô nhiễm môi trường.

b) Nguồn phát sinh chất thải, chất ô nhiễm (nguồn ô nhiễm)

Trên địa bàn huyện hiện nay nguồn phát sinh chất thải chủ yếu từ các hoạt động sau:

- Từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trong năm 2024 trên địa bàn huyện có 04 thủy điện đang hoạt động (Thủy điện Hà Nang, thủy điện Cà Đú, thủy điện Kà Tinh và thủy điện Sông Riêng), 01 thủy điện đang triển khai xây dựng (thủy điện Trà Phong), 03 cơ sở sản xuất nhang, quế, 04 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, 01 nhà máy sản xuất gạch không nung. Hàng năm phát sinh khoảng 10 tấn chất thải rắn công nghiệp thông thường; 600 kg chất thải nguy hại và khoảng 300 m³ nước thải sinh hoạt.

- Từ khu vực đô thị: Trên địa bàn huyện có 01 đô thị loại V là thị trấn Trà Xuân, với dân số khoảng 8.200 khẩu, hàng năm phát sinh khoảng 2.600 tấn rác sinh hoạt và hơn 239.000 m³ nước thải.

- Từ các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Trên địa bàn huyện có 01 trang trại chăn nuôi heo công nghiệp với quy mô 1.000-1.200 con/lứa; 03 trang trại có quy mô vừa, quy mô nhỏ gồm chăn nuôi lợn, gia cầm có quy mô từ 200 - 600 con heo; 01 hộ chăn nuôi gia cầm có quy mô đàn từ 1.000 - 2.000 con gia cầm/lứa. Ngoài ra có khoảng 50 hộ gia đình chăn nuôi lợn có quy mô từ 20 con/lứa trở lên, hàng năm làm phát sinh hàng ngàn m³ nước thải và chất thải rắn chăn nuôi.

- Từ bãi chôn lấp chất thải rắn: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 02 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, tổng khối lượng rác thải sinh hoạt được xử lý tại 02 cơ sở này khoảng 5.100 tấn/năm, với phương pháp xử lý chính là chôn lấp hợp vệ sinh, hàng năm phát sinh khoảng 8.000 m³ nước rỉ rác, có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường đất.

- Từ hoạt động thi công xây dựng các công trình xây dựng giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng... đã thải bỏ hàng ngàn tấn rác thải xây dựng/năm.

- Từ hoạt động canh tác nông nghiệp: Hoạt động canh tác nông nghiệp hàng năm đã thải bỏ khoảng 540 tấn phế phẩm nông nghiệp, các bao thuốc bảo vệ thực vật và tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật trong đất, nước.

- Từ các cơ sở y tế: Trung tâm Y tế huyện (2 cơ sở) và 16 Trạm Y tế xã, thị trấn hàng năm làm nguồn phát sinh khoảng 2.000 m³ nước thải và khoảng 1.500 kg chất thải rắn y tế nguy hại và khoảng 60 tấn rác thải thông thường.

- Từ các chợ: Trên địa bàn huyện có 03 chợ đang hoạt động chính thức (chợ Trà Bồng, chợ Trà Lơm và chợ Trà Bình) và nhiều chợ tạm, hàng năm phát sinh khoảng 150 tấn rác thải sinh hoạt.

- Từ các khu dân cư nông thôn, trường học, doanh nghiệp và cơ quan hành chính nhà nước, hàng năm phát sinh khoảng 9.000 tấn rác thải sinh hoạt và hàng trăm nghìn m³ nước thải sinh hoạt.

c) Tình hình phát sinh chất thải rắn

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khoảng 13 nghìn tấn/năm (trong đó khu vực đô thị phát sinh khoảng 2.600 tấn/năm và khu vực nông thôn khoảng 10.400 tấn/năm).

- Tổng lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh khoảng 1,5 tấn/năm.

- Tổng lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh khoảng 10 tấn /năm.

- Lượng chất thải rắn nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) phát sinh lớn.

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động trồng trọt: Tổng lượng phụ phẩm phát sinh khoảng 540 tấn/năm, gồm: rơm, rạ, tro, trấu, vỏ củ quả, túi ni lông, bao bì phân bón, bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm của các trang trại và nông hộ trên toàn huyện khoảng 8 nghìn tấn/năm, gồm: phân, phụ phẩm, bao bì thức ăn, vỏ thuốc thú y và các loại chất thải rắn khác.

II. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

*** Hiện trạng và biến động diện tích đất, độ che phủ rừng:**

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Trà Bồng là: 76.040,71 ha.

- Diện tích đất nông nghiệp 71.662,56 ha. Trong đó: Đất trồng lúa 1.353,87 ha; đất trồng cây hằng năm 1.674,26 ha; đất trồng cây lâu năm 16.984,22 ha; đất rừng phòng hộ 22.653,69 ha; đất rừng sản xuất 28.977,95 ha; đất nuôi trồng thủy sản 9,15 ha, đất nông nghiệp khác 9,42 ha.

- Độ che phủ rừng năm 2023 là: 60,52%.

*** Môi trường đất:**

Hiện nay môi trường đất trên địa bàn huyện còn tương đối tốt, không có dấu hiệu ô nhiễm, không có khu vực nào bị ô nhiễm môi trường đất theo danh mục của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên vẫn còn một số khu vực có nguy cơ ô nhiễm cục bộ như tại các bãi rác, khu vực sản xuất công nghiệp, khu vực chuyên canh nông nghiệp do gia tăng sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) trong sản xuất nông nghiệp. Theo kết quả quan trắc môi trường đất tại khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân trong năm 2024, các chỉ tiêu Cd, Pb, Cu, Zn, Cr, As đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 03:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

*** Môi trường nước**

- Nước mặt: Nguồn nước mặt như sông Trà Bồng, sông Riềng, sông Tang, sông Trà Ích, các hồ chứa nước như Hồ Nước Trong, hồ Vực Thành, hồ Sinh Kiên, hồ Gò Kiêu và các suối lớn như suối Trà Bói, ... duy trì ở mức tốt đến rất tốt, không có dấu hiệu bị ô nhiễm. Theo kết quả quan trắc môi trường nước mặt trong năm 2024 được lấy tại khu vực Cầu Đỏ và sông Trà Bồng đoạn chảy qua thị trấn Trà Xuân thì tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Nước dưới đất: trên địa bàn huyện hiện nay không có các nhà máy sản xuất cũng như cơ sở sản xuất công nghiệp nặng, hệ thống dân cư không quá tải nên việc làm ô nhiễm chất lượng nước ngầm do sản xuất và sinh hoạt là không cao. Theo kết quả quan trắc môi trường nước dưới đất trong năm 2024 tại các hộ dân gần khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân và tại khu vực UBND huyện thì hầu hết các thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 09: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

*** Môi trường không khí:**

Do là một huyện chưa phát triển về công nghiệp, dịch vụ cùng với đặc trưng là một huyện miền núi với nhiều cây xanh, sông suối, các nguồn thải và không khí không đáng kể nên đến nay tình trạng không khí trên địa bàn huyện còn khá trong lành.

Vấn đề ô nhiễm không khí cục bộ: Phát sinh từ bãi rác thị trấn Trà Xuân và bãi rác Trà Dinh, xã Hương Trà, tại các cơ sở chăn nuôi heo, các hộ hành nghề sơn sửa xe máy, cửa sắt, sơn P.U, hoạt động giao thông... gây ô nhiễm môi trường không khí cục bộ.

Theo kết quả quan trắc môi trường không khí trong năm 2023 tại khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân, tại tổ dân phố 3 cụm công nghiệp thị trấn Trà Xuân và tại khu dân cư tổ dân phố 3 thị trấn Trà Xuân thì các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

*** Hiện trạng nghĩa trang, nghĩa địa**

Toàn huyện hiện nay có 70 nghĩa trang, nghĩa địa, trong đó có 6 nghĩa trang liệt sỹ, 64 nghĩa địa và các điểm chôn cất nhỏ lẻ, hình thành tự phát, hiện trên địa bàn huyện có 3 nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch. Người dân trên địa bàn huyện 100% sử dụng hình thức táng chôn 1 lần.

- Khu vực thị trấn Trà Xuân: Hiện nay có nghĩa trang tại 7 tổ dân phố đang hoạt động. Thị trấn Trà Xuân không có nghĩa trang chôn cất tập trung, hiện tại chỉ tồn tại duy nhất 1 hình thức chôn cất tự do. Tổng diện tích nghĩa trang tự phát trên địa bàn thị trấn là 4,29 ha. Nghĩa trang liệt sỹ toàn huyện diện tích 1,566 ha.

- Khu vực các xã nông thôn huyện Trà Bồng: Mỗi xã có từ 4-7 nghĩa địa, tổng diện tích nghĩa địa trên địa bàn mỗi xã trung bình khoảng 2-3 ha, nghĩa địa do UBND các xã và chính quyền các thôn tự quản lý và vận hành.

Việc sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa tại khu vực còn mang tính tự phát, trừ một số vị trí được xây dựng theo quy hoạch. Hầu hết các khu nghĩa địa phân bố rải rác trên các cánh đồng và khuôn viên hộ gia đình gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan của khu vực. Mặt khác, chất thải, nước thải rò rỉ từ các khu mộ này cũng là một trong những nguồn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất, nước ngầm khu vực. Vấn đề di dời giải tỏa nghĩa địa, nghĩa trang nhân dân là công tác khó khăn, nhạy cảm về tín ngưỡng và tôn giáo cần được quan tâm của các cấp ngành địa phương trong quá trình quy hoạch, chỉnh trang đô thị.

*** Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học**

Trà Bồng có Khu bảo tồn sinh cảnh - loài khu Tây huyện Trà Bồng (Cà Đam) được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017. Đây là khu vực các đỉnh núi cao với đỉnh Cà Đam cao 1.431m so với mực nước biển. Nơi đây có một hệ sinh thái khá phong phú và đa dạng về thành phần loài, nhưng do bị tác động mạnh của người dân nên số lượng cá thể của các loài đã bị suy giảm đáng kể. Đặc biệt là các loài động vật, thực vật đặc hữu, quý hiếm có giá trị kinh tế cao.

Vị trí: Khu dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Trà Bồng thuộc vùng núi Cà Đam và các vùng phụ cận, có tọa độ địa lý: từ 1509'23.92" đến 15011' 18.89" độ vĩ Bắc và từ 108027'58.18" đến 108031'38.10" độ kinh Đông.

Ranh giới: Phía Tây giáp xã Trà Tây; phía Bắc là xã Trà Tân; phía Đông và phía Nam giáp xã Trà Bùi.

Diện tích khu bảo tồn khoảng 1.199,33 ha (trong đó diện tích phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 525,13ha, phân khu phục hồi sinh thái 647,65ha, phân khu dịch vụ hành chính 26,55ha) và diện tích vùng đệm là 1.427,91ha. Khu bảo tồn nằm trên địa bàn của 2 xã Trà Bùi và Trà Tân, thuộc phạm vi của 4 tiểu khu (tiểu khu 94, 95 của xã Trà Bùi; tiểu khu: 83, 84 của xã Trà Tân).

2. Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường.

Trong năm 2024 UBND huyện đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, cụ thể:

- UBND huyện đã ban hành các văn bản như:

+ Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên nước và khoáng sản trên địa bàn huyện Trà Bồng năm 2024;

+ Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông lâm, ngư nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2024;

+ Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 28/12/2023 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 01/8/2023 của UBND tỉnh;

+ Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 04/9/2024 thực hiện phân loại rác thải tại nguồn giai đoạn 2024 – 2025 trên địa bàn huyện Trà Bồng;

- Công văn số 1533/UBND-TN ngày 17/5/2024 chỉ đạo các phòng, ban, hội đoàn thể của huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2024 trên địa bàn huyện; Công văn số 1537/UBND-TN ngày 17/5/2024 của UBND huyện về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05 tháng 6), Tháng hành động vì môi trường năm 2024; Công văn số 3117/UBND-TN ngày 20/9/2024 chỉ đạo các phòng, ban, hội đoàn thể của huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn năm 2024.

+ Cấp 01 giấy phép môi trường cho Dự án thủy điện Sông Riêng.

2.2. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường.

- Công tác thực hiện thủ tục hành chính về môi trường: UBND huyện đã ban hành bộ thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, Danh mục thủ tục hành chính thay thế, Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để thay thế bộ thủ tục đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; từ đầu năm đến nay UBND huyện chưa cấp giấy phép môi trường nào. Trong năm 2023 UBND huyện đã cấp 01 giấy phép môi trường cho 01 tổ chức.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Trong năm 2024 UBND huyện thành lập Đoàn kiểm tra tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước tại 05 cơ sở gồm: Công ty TNHH thủy điện Cà Đú, mỏ đá thôn 3, xã Trà Thủy, Cửa hàng xăng dầu Quan San, Cửa hàng xăng dầu thị trấn Trà Xuân và Cửa hàng xăng dầu Trà Bồng. Qua kiểm tra phát hiện 05/05 cơ sở đều có các tồn tại, hạn chế phải khắc phục về công tác bảo vệ môi trường, theo đó đã tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 02 cơ sở với số tiền 70 triệu đồng (*Công ty TNHH Lâm Kỳ Nguyên và Công ty Cổ phần thanh niên xung phong Quảng Ngãi*) yêu cầu 03 cơ sở giải trình và cam kết khắc phục các tồn tại, hạn chế.

Ngoài ra trong năm 2024, UBND huyện thường xuyên chỉ đạo lực lượng kiểm lâm tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện cháy rừng, duy trì tốt các băng dự báo cấp cháy rừng, bảo dưỡng các thiết bị, dụng cụ chữa cháy rừng đảm bảo sử dụng tốt. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được thực hiện thường xuyên nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng khai thác gỗ trái phép. Các vụ vi phạm về luật lâm nghiệp đều xử lý công khai, trung thực, đúng pháp luật, góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và nâng cao ý thức bảo vệ rừng cho người dân, giảm các hành vi xâm hại đến rừng, nhất là phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời.

2.3. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường:

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về BVMT tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt tập trung vào các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật BVMT 2020; công tác truyền thông, nâng cao nhận thức nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng đối với sản phẩm nhựa dùng một lần, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thay thế, thân thiện môi trường trong đó, đã tập trung chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Trung tâm Truyền thông – Văn hóa – Thể thao huyện phổ biến Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- UBND huyện ban hành Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông lâm, ngư nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2024; Công văn số 1533/UBND-TN ngày 17/5/2024 chỉ đạo các phòng, ban, hội đoàn thể của huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2024 trên địa bàn huyện; Công văn số 1537/UBND-TN ngày 17/5/2024 của UBND huyện về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05 tháng 6), Tháng hành động vì môi trường năm 2024; Công văn số 3117/UBND-TN ngày 20/9/2024 chỉ đạo các phòng, ban, hội đoàn thể của huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn năm 2024.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch phối hợp với Ban Dân vận Huyện ủy về phối hợp thực hiện công tác dân vận, tuyên truyền công tác tài nguyên môi trường; Tổ chức tập huấn, tuyên truyền và cấp hơn 2.000 thùng rác loại 30 lít cho các hộ gia đình cá nhân thực hiện công tác phân loại rác tại nguồn.

- Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao huyện thường xuyên viết bài, đưa tin tuyên truyền về công tác chống rác thải nhựa, phân loại rác tại nguồn....

- UBND các xã, thị trấn thực hiện treo băng rôn, áp phích, đăng tin, bài tuyên truyền về bảo vệ môi trường hưởng ứng ngày đa dạng sinh học, ngày đất ngập nước, Tháng hành động vì môi trường, Ngày Môi trường thế giới năm 2024, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn; Phát động ra quân dọn vệ sinh môi trường, phát quang đường làng ngõ xóm và làm sạch kênh mương thoát nước trên địa bàn huyện.

2.4. Kiểm soát nguồn ô nhiễm:

Tỷ lệ các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (CCN) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định:

Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh như Công ty TNHH Nhất Hưng Trà Bồng, Cơ sở chăn nuôi heo Hải Hà, các cơ sở chăn nuôi heo, các dự án thủy điện đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải trong khu vực dự án để tự xử lý theo quy định; đối với nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực đô thị, nông thôn các hộ gia đình tự xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn, sau đó tự thấm vào môi trường.

- Số liệu các nguồn phát sinh chất thải chủ yếu trên địa bàn huyện: Theo Phụ lục I đính kèm.

2.5. Quản lý chất thải và phế liệu:

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

- Trong năm 2024, tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 13.000 tấn, trong đó khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị khoảng 2.600 tấn, khối lượng rác thải sinh hoạt nông thôn 10.400 tấn. Hiện nay khối lượng CTRSH trên địa bàn thị trấn Trà Xuân, xã Trà Sơn, xã Trà Thủy, xã Trà Giang, xã Trà Phú, xã Trà Bình, xã Trà Phong và Hương Trà được thu gom, vận chuyển, xử lý khoảng 5.100 tấn (khối lượng CTRSH nông thôn 2.900 tấn, khối lượng CTRSH đô thị 2.200 tấn), đạt tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị là 94%, khu vực nông thôn đạt 55%, CTRSH tại các khu vực nông thôn còn lại trên địa bàn huyện được người dân tự xử lý bằng các biện pháp như chôn lấp tại vườn nhà, đốt.

- Các cơ sở xử lý CTRSH: Hiện nay trên địa bàn huyện Trà Bồng có 02 cơ sở xử lý CTRSH, gồm Khu xử lý rác thải sinh hoạt thị trấn Trà Xuân xử lý chôn lấp rác thải phát sinh tại các xã, thị trấn: Trà Xuân, Trà Sơn, Trà Thủy, Trà Giang, Trà Phú và Trà Bình; bãi chôn lấp rác thải thôn Trà Dinh, xã Hương Trà xử lý chôn lấp khối lượng rác thải phát sinh tại các xã: Trà Phong và Hương Trà.

- Số lượng các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh: Không.

- Công tác phân loại rác thải tại nguồn: Trong năm 2024, UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai tập huấn, hướng dẫn phân loại rác tại nguồn trên địa bàn 04 xã: Trà Bình, Trà Phú, Trà Sơn và Trà Thủy và cấp hơn 2.000 thùng rác loại 30 lít cho các hộ dân tại 04 xã nêu trên thực hiện phân loại rác tại nguồn.

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

- CTRCNTT: Hiện nay, trên địa bàn huyện hoạt động sản xuất công nghiệp không nhiều, khoảng 10 tấn/năm (*Nhà máy chế biến dăm gỗ tại xã Trà bình của Công ty TNHH Nhất Hưng Trà Bồng và Cơ sở thu mua, chế biến nông sản Trà Tân, xã Trà tân dừng hoạt động*). CTRCNTT phát sinh được các cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định. Trên địa bàn huyện hiện chưa có cơ sở xử lý CTRCNTT.

c) Quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Tổng khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn khoảng 1 tấn/năm, trong đó nguồn phát sinh chủ yếu tại các nhà máy thủy điện, các cơ sở sửa chữa xe ô tô, các cửa hàng xăng dầu. Năm 2024 khối lượng CTNH phát sinh được thu gom, xử lý khoảng 600kg (*trong đó nhà máy thủy điện Thiên Tân: 230kg, nhà máy thủy điện Cà Đú: 50kg, nhà máy thủy điện Hà Riềng: 60kg, nhà máy thủy điện Kà Tinh: 300kg*) và tại Điện lực Trà Bồng (dây chì + viên chì: 2,55 kg, dây chảy bằng chì các loại: 0,02 kg).

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn: Chủ yếu phát sinh từ các cơ sở y tế như Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng (02 cơ sở), 16 Trạm y tế xã, thị trấn, với khối lượng khoảng 1.500 kg ... Thành phần CTR y tế chủ yếu bao gồm vỏ thuốc, bơm kim tiêm, bông băng, bệnh phẩm.

Đối với khối lượng CTNH phát sinh được các chủ nguồn thải thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định. Hiện nay trên địa bàn huyện không có cơ sở xử lý CTNH.

d) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

- Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất: Không có
- Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu của các cơ sở trên địa bàn trong năm: Không có.

đ) Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu: Theo Phụ lục II kèm theo.

2.6. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường:

- Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường: 0
- Tỷ lệ các khu vực môi trường bị ô nhiễm được xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường: Không có khu vực bị ô nhiễm phải cải tạo.
- Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn: Theo Phụ lục III kèm theo.

2.7. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong năm báo cáo: Trong năm 2024 trên địa bàn huyện không có hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nào.
- Kết quả xử lý các thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn: Trong năm không nhận phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường.

2.8. Báo cáo kết quả thực hiện việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp: Trong năm 2024 trên địa bàn huyện không có hoạt động di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

2.9. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học:

UBND huyện đã đề xuất UBND tỉnh quy hoạch Khu bảo tồn sinh cảnh - loài khu Tây huyện Trà Bồng (Cà Đam). Đây là khu vực các đỉnh núi cao với đỉnh Cà Đam cao 1.431m so với mực nước biển. Nơi đây có một hệ sinh thái khá phong phú và đa dạng về thành phần loài, nhưng do bị tác động mạnh của người dân nên số lượng cá thể của các loài đã bị suy giảm đáng kể. Đặc biệt là các loài động vật, thực vật đặc hữu, quý hiếm có giá trị kinh tế cao.

Vị trí: Khu dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Trà Bồng thuộc vùng núi Cà Đam và các vùng phụ cận, có tọa độ địa lý: từ 1509'23.92" đến 15011' 18.89" độ vĩ Bắc và từ 108027'58.18" đến 108031'38.10" độ kinh Đông.

Ranh giới: Phía Tây giáp xã Trà Tây; phía Bắc là xã Trà Tân; phía Đông và phía Nam giáp xã Trà Bùi.

Diện tích khu bảo tồn khoảng 1.199,33 ha (trong đó diện tích phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 525,13ha, phân khu phục hồi sinh thái 647,65ha, phân khu dịch vụ hành chính 26,55ha) và diện tích vùng đệm là 1.427,91ha. Khu bảo tồn nằm trên địa bàn của 2 xã Trà Bùi và Trà Tân, thuộc phạm vi của 4 tiểu khu (tiểu khu 94, 95 của xã Trà Bùi; tiểu khu: 83, 84 của xã Trà Tân).

- Số liệu về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học: Theo Phụ lục IV kèm theo.

3. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

a) Nguồn nhân lực:

+ Ở huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường là đơn vị tham mưu cho UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường, hiện tại có 02 biên chế có trình độ đại học chuyên ngành môi trường làm nhiệm vụ tham mưu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

+ Ở xã, thị trấn: Hiện tại chưa có cán bộ chuyên trách quản lý nhà nước về môi trường (*chức năng quản lý nhà nước về môi trường do cán bộ địa chính kiêm nhiệm*), số lượng: 16 cán bộ.

b) Nguồn lực tài chính:

Nhìn chung ngân sách chi cho hoạt động bảo vệ môi trường tăng theo hàng năm, trong năm 2024 nguồn ngân sách chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường là 4.000 triệu đồng nhưng chưa đủ đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay như: công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đầu tư xây dựng khu xử lý tập trung, đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác thải; công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

Thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn sinh đạt 94% tại khu vực đô thị và 55% tại khu vực nông thôn, thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt 60%.

5. Đánh giá chung

5.1. Kết quả đạt được:

Trong năm 2024, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, qua đó đạt được một số kết quả nổi bật sau:

- Đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và các văn bản liên quan để triển khai có hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn huyện.

- Chủ động kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn (Cụm công nghiệp, dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở chăn nuôi,...); theo dõi, giám sát, nắm bắt đầy đủ, kịp thời diễn biến các vấn đề môi trường, công tác bảo vệ môi trường của các đối tượng thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường. Thông qua công tác giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm và tăng cường tiếp nhận, xử lý phản ánh của người dân về ô nhiễm môi trường đã góp phần tạo được những chuyển biến nhất định về ý thức chấp hành các quy định pháp luật về BVMT của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, đã dần chuyển từ thái độ đối phó với các cơ quan chức năng sang ý thức tự giác chấp hành, phát huy vai trò của người dân trong công tác BVMT.

- Công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường được triển khai dưới nhiều hình thức như: Tổ chức các mô hình bảo vệ môi trường: treo băng rôn, tuyên truyền lưu động, ra quân hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường,

Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, ngày Đa dạng sinh học, ngày Nước thế giới, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong việc bảo vệ môi trường trên địa bàn.

- Đơn thư, ý kiến kiến nghị của cử tri về môi trường được xử lý kịp thời.

- Xây dựng và công bố bộ thủ tục hành chính về tài nguyên môi trường theo hướng cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nhằm dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính về môi trường.

Thông qua việc triển khai nhiều công cụ, biện pháp quản lý công tác bảo vệ môi trường trong năm tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý tại khu vực đô thị đạt khoảng 94%, tại khu vực nông thôn đạt khoảng 55%. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 60%.

5.2. Tồn tại, hạn chế:

- Lượng CTR, CTNH phát sinh ngày lớn, cơ cấu thành phần phức tạp, trong khi đó, công tác xử lý rác thải sinh hoạt còn hạn chế, được xử lý theo hình thức chôn lấp, tỷ lệ CTR sinh hoạt được tái chế còn ít; việc phân loại, thu gom, xử lý CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày vẫn chưa triển khai thực hiện. Nhiều loại chất thải công nghiệp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu.

- Công tác phân loại rác tại nguồn đã được huyện ban hành kế hoạch, chỉ đạo triển khai thực hiện, tuy nhiên công tác thực hiện phân loại đạt tỷ lệ chưa cao, công tác thu gom, xử lý sau phân loại chưa đảm bảo (*hiện nay chất thải sau phân loại được thu gom, xử lý chung*).

- Nước thải tại một số khu dân cư, tại các cơ sở chăn nuôi không có hầm bioga chưa được xử lý, đổ thải ra môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm.

- Chưa có quy định cụ thể về hoạt động chăn nuôi trong khu dân cư trên địa bàn huyện, dẫn đến tình trạng chăn nuôi trong khu dân cư gây bức xúc cho người dân xung quanh.

- Ý thức của một số người dân và cơ sở sản xuất, kinh doanh về bảo vệ môi trường chưa cao; tình trạng ô nhiễm cục bộ ở một số nơi vẫn còn tồn tại trên địa bàn.

- Lực lượng cán bộ chuyên trách về quản lý môi trường ở cấp cơ sở còn thực hiện quá nhiều nhiệm vụ khác, nên không đảm đương hết nhiệm vụ về môi trường.

- Nhận thức của người dân còn chưa cao, mức sống của người dân (đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số) còn thấp, đời sống khó khăn, chưa định hình được kế sinh nhai bền vững gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, vẫn còn tình trạng người dân vào rừng khai thác gỗ.

- Việc tuân thủ pháp luật môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vẫn còn mang tính đối phó, chưa thực sự hiểu đúng tầm quan trọng của phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường mặc dù đã được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện nhưng nhận thức của một số doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị và bộ phận nhỏ trong nhân dân chưa cao, chưa góp phần tích cực trong công tác bảo vệ môi trường.

- Trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường còn thiếu.

5.3. Nguyên nhân của những hạn chế:

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và người dân về BVMT chưa đầy đủ, chưa chuyên thành ý thức và hành động cụ thể là thách thức đối với công tác BVMT: Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức về tầm quan trọng của công tác BVMT đối với sự nghiệp phát triển bền vững; còn tồn tại khoảng cách giữa nhận thức và hành động. Vẫn còn tư tưởng ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, tập trung thu hút đầu tư, xem nhẹ yêu cầu BVMT, quan điểm không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế chưa được thực hiện triệt để.

- Ý thức về BVMT vẫn chưa thành thói quen, nếp sống của nhân dân; các thói quen xấu gây ô nhiễm môi trường, làm mất vệ sinh, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng như: vứt rác, chất thải, xác súc vật bừa bãi ở nơi công cộng, nguồn nước, v.v. chưa được loại bỏ, thậm chí một số nơi còn phổ biến.

- Ý thức chấp hành Luật BVMT và giữ gìn vệ sinh môi trường của các hộ sản xuất kinh doanh, nhất là các hộ chăn nuôi còn kém. Ý thức trách nhiệm về BVMT của một số nhà máy, cơ sở sản xuất, kinh doanh còn thấp, chưa chủ động, tự giác thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ BVMT, phần lớn vẫn chạy theo lợi nhuận, coi nhẹ BVMT.

- Nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước về BVMT còn mỏng; công tác tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường còn hạn chế; đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường ở cấp xã còn thiếu năng lực và kỹ năng giải quyết, chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường của thực tế; thiếu các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác quản lý môi trường cho cán bộ môi trường cấp xã.

- Nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường phân bổ ít, chỉ đáp ứng được các nhiệm vụ quản lý môi trường cơ bản, kinh phí về sự nghiệp bảo vệ môi trường cho cấp xã còn ít.

III. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC BVMT NĂM 2025 VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Xác định những vấn đề và thách thức

Mặc dù thời gian qua nhiều vấn đề môi trường đã được xử lý, công tác quản lý môi trường cơ bản được kiểm soát tốt, tuy nhiên hiện nay vẫn còn tồn đọng nhiều vấn đề môi trường cần được giải quyết như:

- Rác thải sinh hoạt, đặc biệt là rác thải sinh hoạt tại nông thôn phát sinh ngày càng nhiều, chưa được phân loại, xử lý hiệu quả. Tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH tại khu vực nông thôn mới đạt 55%; 100% các bãi chôn lấp thực hiện chôn lấp hợp vệ sinh. Rác thải điện tử, chất thải nhựa sử dụng một lần, túi nilon không được thu gom, xử lý đúng cách.

- Nước thải sinh hoạt khu vực đô thị và tại các khu dân cư tập trung phát sinh ngày càng lớn; hầu hết các khu dân cư nông thôn và khu vực đô thị chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ xử lý rác thải: Hiện nay Khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân là nơi duy nhất để tập kết, xử lý chôn lấp rác thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực phía đông của huyện bao gồm thị trấn Trà Xuân, các xã Trà Bình, Trà Phú, Trà Giang, Trà Sơn và xã Trà Thủy, với khối lượng phát sinh hơn 13 tấn/ngày, dự kiến sẽ đầy và đóng cửa vào đầu năm 2025.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật, không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn; rà soát, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; chủ động giám sát các đối tượng, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Chú trọng đến công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, từng bước mở rộng địa bàn thu gom rác; khẩn trương triển khai xây dựng Khu xử lý rác thải tập trung của huyện và mở rộng khu xử lý rác thải tại các xã phía Tây của huyện nhằm đảm bảo có nơi xử lý, chôn lấp rác thải khi Khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân và hố chôn lấp rác thải thôn Trà Dinh, xã Hương Trà đóng cửa theo quy định.

- Chú trọng trong việc tiếp nhận các dự án mới, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; đồng thời, kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, lắp đặt các hạng mục xử lý môi trường theo đúng hồ sơ môi trường đã được phê duyệt trước khi đi vào vận hành chính thức. Khi tiếp nhận, bố trí các dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp phải đúng theo các loại hình sản xuất đã được quy hoạch.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường cho mọi đối tượng biết, nhận thức về bảo vệ môi trường, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cán bộ đảng viên, các tầng lớp nhân dân về trách nhiệm bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng và đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên địa bàn, quan tâm phát hiện, biểu dương điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường,

đồng thời tạo dư luận xã hội lên án đối với các hành vi ô nhiễm và vi phạm pháp luật về môi trường.

- Tăng cường nguồn lực, đặc biệt từ nguồn xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường: Kêu gọi đầu tư, hỗ trợ, hợp tác công tư cho công tác thu gom, xử lý, tái chế chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của huyện.

- Tiếp tục thực hiện các chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại các văn bản: Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021-2025”; Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 04/9/2024 của UBND huyện về thực hiện phân loại rác thải tại nguồn giai đoạn 2024 – 2025 trên địa bàn huyện Trà Bồng.

- Các ngành, Hội, đoàn thể và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung của tiêu chí thứ 17 về môi trường trong xây dựng nông thôn mới trong năm 2025.

IV. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận

Nhìn chung, hiện tại các thành phần môi trường ở địa phương đang ở trạng thái cân bằng, công tác bảo vệ môi trường đang được các cấp chính quyền duy trì ở mức tương đối. Tuy nhiên, một số nguồn tài nguyên đang có dấu hiệu bị xâm phạm, tiềm ẩn nguy cơ cạn kiệt và gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường (*như tài nguyên rừng, tài nguyên đa dạng sinh học,...*), công tác bảo vệ môi trường ở các cấp chính quyền chưa được quan tâm.

Trong những năm tới, theo đà phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thì nguy cơ ô nhiễm môi trường sẽ ngày càng gia tăng, nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống là điều không tránh khỏi nếu không có biện pháp theo dõi, ứng phó và sự quan tâm của các cấp chính quyền đối với công tác bảo vệ môi trường.

Do vậy, báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Trà Bồng năm 2024 là cơ sở dữ liệu làm nền tảng cho những năm tiếp theo để huyện theo dõi diễn biến môi trường và có những giải pháp kịp thời nhằm xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo cho huyện nói riêng cũng như tỉnh Quảng Ngãi nói chung có một môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp” và phát triển bền vững.

2. Kiến nghị

Để công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn được tốt hơn, hướng đến phát triển kinh tế-xã hội địa phương theo hướng bền vững, UBND huyện Trà Bồng có một số kiến nghị đến Trung ương, tỉnh một số nội dung như sau:

- Ưu tiên dành nguồn lực để xây dựng, triển khai Chương trình/dự án về môi trường nhằm giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc hiện nay để có lộ trình thực hiện xong trong các năm tới, như: Đầu tư nguồn kinh phí để địa phương xây dựng các Khu xử lý rác thải tập trung, các hệ thống xử lý nước thải chung cho cụm công nghiệp, các khu dân cư.

- Tăng cường công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực giải quyết công việc cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý môi trường của cấp huyện, cấp xã.

- Quan tâm, hướng dẫn địa phương đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi, xây dựng chính sách ưu đãi để các tổ chức cá nhân tham gia xử lý rác thải góp phần bảo vệ môi trường trong khi nguồn lực ngân sách địa phương có hạn.

V. Số liệu báo cáo về môi trường

Số liệu cụ thể của Báo cáo được thống kê chi tiết theo các phụ lục kèm theo.

UBND huyện Trà Bồng báo cáo kết quả công tác bảo vệ môi trường năm 2024 trên địa bàn huyện, kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- VP HĐND và UBND huyện: C,PVP, CV (TN);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Sương

